TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 02 - 2020
V/v yêu cầu không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 442/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị D, cư trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H, cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Bùi Thị D trình bày:

Bà và ông Phạm Văn H kết hôn với nhau do tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, hai người về chung sống cùng gia đình

ông H tại thôn T, xã L khoảng 06 tháng thì chuyển về sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống cùng nhau, giữa bà và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp, kinh tế khó khăn, không thể khắc phục được nên mâu thuẫn giữa hai người ngày càng căng thẳng kéo dài, đặc biệt từ năm 1992 đến nay, bà và ông Phạm Văn H đã sống ly thân, không ai còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm với ông Phạm Văn H không còn, hai người chung sống cùng nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Phạm Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Phạm Văn H có 01 con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1990. Con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên tự quyết định cuộc sống, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Bùi Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 12 năm 2019, bị đơn là ông Phạm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác định phần trình bày của bà Bùi Thị D về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà Bùi Thị D là đúng. Thời gian chung sống cùng nhau giữa ông và bà Bùi Thị D có nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể dung hòa được nên hai người đã sống ly thân từ năm 1992 đến nay và không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay, xác định tình cảm giữa ông và bà Bùi Thị D đã không còn, hai người chung sống không đăng ký kết hôn nên bà Bùi Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng đối với ông, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông và bà Bùi Thị D có 01 con chung là Phạm văn H, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1990. Con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên tự quyết định cuộc sống, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tại phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử không công nhận bà Bùi Thị D và ông Phạm Văn H

là vợ chồng. Về con chung và tài sản chung do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Bùi Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn bà Bùi Thị D và bị đơn ông Phạm Văn H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định bà Bùi Thị D và ông Phạm Văn H kết hôn với nhau do tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và chung sống với nhau từ năm 1989 tại thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian hai người chung sống cùng nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn do có sự bất đồng trong tính cách, quan điểm, kinh tế khó khăn, nên tình cảm giữa bà Bùi Thị D và ông Phạm Văn H có nhiều rạn nứt, không thể khắc phục được. Hai người đã sống ly thân nhiều năm nay, không ai còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Bùi Thị D và ông Phạm Văn H đã căng thẳng kéo dài, không thể khắc phục đoàn tụ được. Bà D và ông H chung sống cùng nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên việc bà Bùi Thị D yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Phạm Văn H là vợ chồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Bùi Thị D và ông Phạm Văn H có 01 con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1990 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên tự quyết định cuộc sống, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Bùi Thị D và ông Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận bà Bùi Thị D và ông Phạm Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung và tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước, bà Bùi Thị D đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương (Biên lai thu tiền số 0004575 ngày 10 tháng 12 năm 2019) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- THADS huyện An Dương;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tươi